

Bản án số: 114 /2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 9 - 2025.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 122/2025/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú: Số I ấp C xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); chỗ ở: 1 đường B khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1970; thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long); tạm trú: Số B đường A khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại tòa và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông T và bà Phạm Thị Kim C quen biết tìm hiểu tiến tới hôn nhân năm 2011, cả hai đăng ký kết hôn năm 2012 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2012, ngày 18/4/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long), quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chênh lệch về độ tuổi, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân từ đầu năm 2025. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị Kim C.

Về con chung: Ông T và bà C có 01 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 27/01/2012. Tại phiên Tòa ông T yêu cầu khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con chung cháu M và không yêu cầu bà C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Phạm Thị Kim C trình bày và được tóm tắt: Trước khi kết hôn, bà C và ông Nguyễn Văn T có thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng sống hạnh phúc từ khi lấy nhau năm 2011 cho đến khoảng tháng 3/2025 ông T nói đi làm công ty cuối tuần mới về. Tuy nhiên, khi đi làm ông T có quen người phụ nữ khác, do đó ông T yêu cầu ly hôn. Chứ ông T nói vợ chồng chung sống không hạnh phúc, do nhiều mâu thuẫn là không đúng. Ông T yêu cầu ly hôn bà C không đồng ý. Trường hợp Tòa giải quyết cho ly hôn thì về con chung bà giao cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 27/01/2012 cho ông T nuôi dưỡng, tạm thời bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự; nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân khu vực 16, thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Phạm Thị Kim C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C .

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Phạm Thị Kim C và yêu cầu giải quyết nuôi con chung khi ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn bà Phạm Thị Kim C có địa chỉ tại phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Kim C đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2012, ngày 18/4/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long). Nên hôn nhân giữa ông T và bà C là hợp pháp.

[2.2] Về yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn T: Ông T cho rằng quá trình chung sống giữa ông T và bà C không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông T thừa nhận năm 2023 ông T đi làm và có tình cảm với người phụ nữ khác, tuy nhiên chỉ quen trong thời gian khoảng 02 tháng sau đó chấm dứt. Bà C cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, việc ông T yêu cầu ly hôn là do quá trình đi làm ông T có quen người phụ nữ khác, vợ chồng vẫn bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Bà C xác định tình cảm với ông T vẫn còn và mong vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con.

[2.3] Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích trên vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Do vậy, qua trình bày của ông T, bà C. Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình chung sống, ông T không chung thủy với bà C, ông bà sống ly thân từ đầu năm 2025, suốt thời gian này vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Ông T và bà C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 27/01/2012. Ông T yêu cầu khi ly hôn được nuôi con chung, bà C cũng thống nhất nếu Tòa giải quyết cho bà và ông T ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Khi làm việc cháu M trình bày nguyện vọng được ở với ông T khi ông T và bà C ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu M cho ông T nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà C không phải cấp dưỡng nuôi con chung

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông T, bà C không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên được chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm : Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn bà Phạm Thị Kim C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị Kim C theo giấy chứng nhận kết hôn số 32/2012, ngày 18/4/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

- Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 27/01/2012 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà Phạm Thị Kim C thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, ông Nguyễn Văn T và bà Phạm Thị Kim C đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002881 ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 16, TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 16, TP.HCM ;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh